



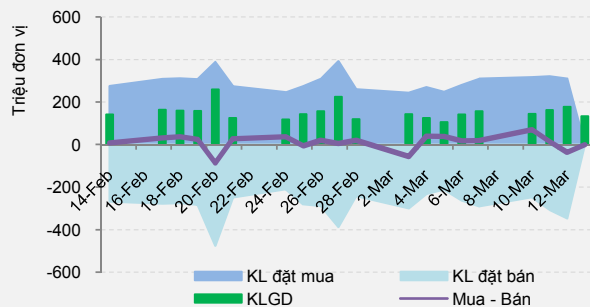
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 13/3/2014

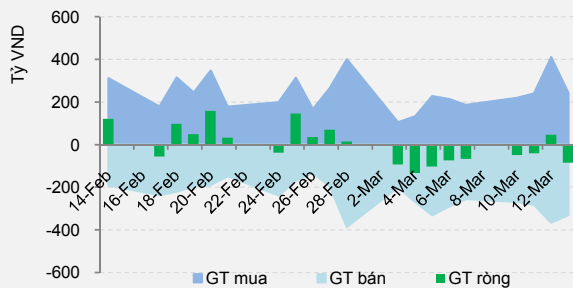
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	595.2	84.2
% Thay đổi	↑ 0.9%	↑ 1.2%
KLGD (CP)	133,778,877	91,244,021
GTGD (tỷ đồng)	2,311.38	879.54
Tổng cung (CP)	-	120,846,000
Tổng cầu (CP)	-	159,966,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,004,927	1,093,270
KL mua (CP)	4,512,687	1,065,600
GTmua (tỷ đồng)	244.68	14.30
GT bán (tỷ đồng)	329.50	17.94
GT ròng (tỷ đồng)	(84.81)	(3.64)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.59%	9.6	2.2	3.6%
Công nghiệp	↑ 1.04%	385.2	1.3	18.4%
Dầu khí	↑ 0.54%	8.9	2.0	3.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.33%	15.1	2.2	1.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.27%	10.9	3.1	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.82%	13.6	5.0	16.1%
Ngân hàng	↑ 0.88%	14.3	1.3	6.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.18%	11.9	2.2	8.8%
Tài chính	↑ 1.04%	16.2	2.5	39.7%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.04%	11.8	4.3	2.4%
VN - Index	↑ 0.88%	14.6	3.1	72.4%
HNX - Index	↑ 1.18%	21.0	1.7	27.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,846,460	1.0%	2,896,320	1.6%
GTGD (triệu VND)	39,417	1.3%	75,921	2.5%

TÂM ĐIỂM CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN - ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG TĂNG MẠNH

Nhận định: Thị trường dao động hẹp với tốc độ khớp lệnh chậm trong phần lớn phiên giao dịch sáng. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu thị giá thấp thuộc ngành xây dựng, hạ tầng. Còn lại đa số cổ phiếu dao động hẹp, KLGD thấp khi chỉ số Index đã tiến đến vùng cân kỹ thuật. Thị trường tăng điểm mạnh dần về nửa cuối phiên nhờ diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán - đặc biệt tại SSI - cổ phiếu vẫn được đánh giá mang tính dẫn dắt dòng tiền. Độ rộng thị trường cải thiện mạnh so với phiên giao dịch trước, hai chỉ số Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

Lượng cung giá cao dự báo tiếp tục tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi VN-Index đã tiến đến ngưỡng cản 595-600 điểm, HNX-Index ở ngưỡng cản 84 điểm. Chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ tiếp tục dịch chuyển linh hoạt, chuyển từ cổ phiếu đã tăng nóng sang cổ phiếu có thời gian tích lũy và kỳ vọng thông tin tích cực mùa ĐHCĐ. Sau dòng chứng khoán, nhóm cổ phiếu BĐS có thể thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, nếu trong những phiên tới, VN-Index tiếp tục bứt phá qua vùng giá 596-600 điểm thì mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục xem xét MUA cổ phiếu Bluechip, midcap có yếu tố cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy và được dòng tiền quan tâm, ở thời điểm thị trường yếu.

- Chỉ số VN-Index tăng 5.20 điểm (0.88%), lên 595.22 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.98 điểm (1.18%), lên 84.15 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- Thủ tướng Chính phủ vừa phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán phái sinh. Thị trường sẽ có thêm sản phẩm mới là quyền mua cổ phiếu, chứng quyền, hợp đồng quyền chọn..., bên cạnh cổ phiếu, trái phiếu. Trong giai đoạn đầu phát triển, các chứng khoán phái sinh được phép giao dịch tại SGDK là các hợp đồng tương lai dựa trên chỉ số Index và hợp đồng tương lai dựa trên trái phiếu chính phủ. Hợp đồng tương lai dựa trên cổ phiếu, hợp đồng quyền chọn dựa trên chỉ số Index, trái phiếu chính phủ và cổ phiếu sẽ được tổ chức giao dịch khi thị trường phát triển ổn định. Về dài hạn các công cụ tài chính phái sinh là hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền chọn dựa trên tài sản cơ sở là cổ phiếu, trái phiếu, hợp đồng tương lai tiền tệ và hàng hóa sẽ được tập trung giao dịch thống nhất trên SGDK.

- Bộ Tài chính vừa công bố tình hình thực hiện các nhiệm vụ tài chính, ngân sách trong hai tháng đầu năm. Tổng thu NSNN qua 2 tháng đạt 129.870 tỉ đồng, bằng 16,6% dự toán, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, thu nội địa tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2013; thu từ kinh tế quốc doanh đạt 15,5% dự toán, tăng 16%; thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 20,4% dự toán, tăng 24,3%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,9% dự toán, tăng 25,6%. Nguyên nhân giúp thu ngân sách cải thiện là do kinh tế các tháng cuối năm 2013 và đầu năm 2014 tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Ước tính có 45/63 địa phương có số thu nội địa đạt tiến độ dự toán (trên 16% kế hoạch thu). Thu Ngân sách cải thiện là cơ sở giúp thúc đẩy nhiệm vụ chi. Tổng chi NSNN qua 2 tháng ước đạt 150.070 tỉ đồng, bằng 14,9% dự toán, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 5.20 điểm (0.88%), lên 595.22 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD giảm 22% so với phiên giao dịch trước, xuống 130 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 70 điểm, tâm lý thị trường tích cực hơn. MACD 9 ngày đã tiến sát đường tín hiệu. Đường DI+ đã tăng cao hơn ngưỡng cân về xu hướng phân kỳ với đường giá.

Nhận định: Chỉ số VN-Index dao động hẹp với tốc độ khớp lệnh chậm trong phần lớn phiên giao dịch sáng. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu thị giá thấp thuộc ngành xây dựng, hạ tầng. Còn lại đa số cổ phiếu dao động hẹp, KLGD thấp khi chỉ số Index đã tiến đến vùng cân kỹ thuật. Thị trường tăng điểm mạnh dần về nửa cuối phiên trước diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán - đặc biệt tại SSI - cổ phiếu vẫn được đánh giá mang tính dẫn dắt dòng tiền. Độ rộng thị trường cải thiện mạnh so với phiên giao dịch trước, VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

Lượng cung giá cao dự báo tiếp tục tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi VN-Index đã tiến đến ngưỡng cân 595-600 điểm. Chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ dịch chuyển linh hoạt giữa từng nhóm cổ phiếu, chuyển từ cổ phiếu đã tăng nóng sang cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có thời gian tích lũy và kỳ vọng thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, nếu trong những phiên tới, VN-Index tiếp tục bứt phá qua vùng giá 596-600 điểm thì mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.98 điểm (1.18%), lên 84.15 điểm, mức cao nhất thiết lập trong phiên.

- KLGD tăng nhẹ 3% so với phiên trước, lên 88 triệu đơn vị, tập trung vào cổ phiếu PVX, nhóm cổ phiếu chứng khoán.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 70 điểm, tâm lý nhà đầu tư khá tích cực. Đường MACD 9 thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index dao động hẹp với thanh khoản thấp trong phần lớn phiên giao dịch sáng, thận trọng với ngưỡng cân kỹ thuật 84 điểm. Thị trường tăng điểm mạnh dần trong phiên giao dịch chiều nhờ ảnh hưởng lan tỏa từ nhóm cổ phiếu chứng khoán.

Lượng cung giá cao dự báo tiếp tục tăng trong phiên giao dịch ngày mai, khi HNX-Index đã tăng đến ngưỡng cân 84-85 điểm. Chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ dịch chuyển linh hoạt giữa từng nhóm cổ phiếu, chuyển từ cổ phiếu đã tăng nóng sang cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, có thời gian tích lũy và kỳ vọng thông tin tích cực mùa ĐHCĐ. Sau dòng chứng khoán, nhóm cổ phiếu BĐS có thể thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục xem xét MUA dần cổ phiếu Bluechip, midcap có yếu tố cơ bản tốt, đã có thời gian tích lũy và được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

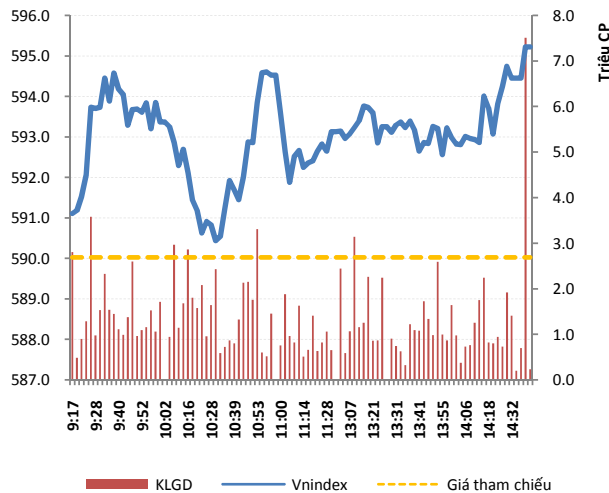
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/03/2014

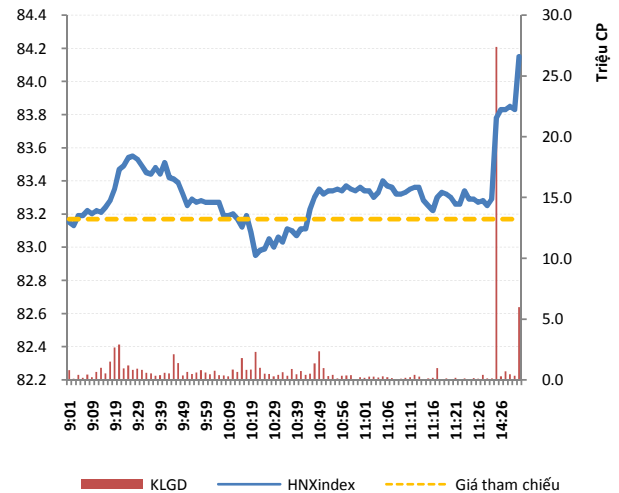


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

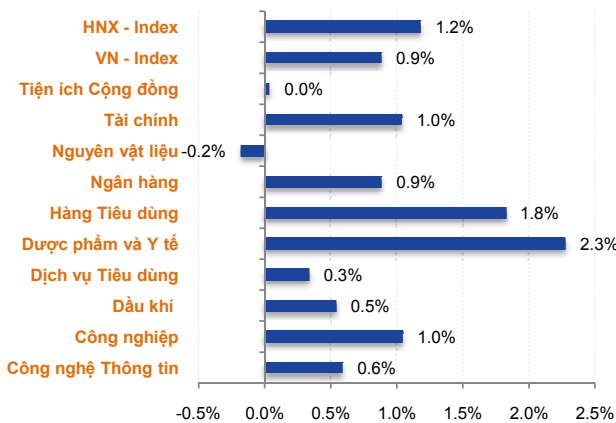
KLGD và VN-Index trong phiên



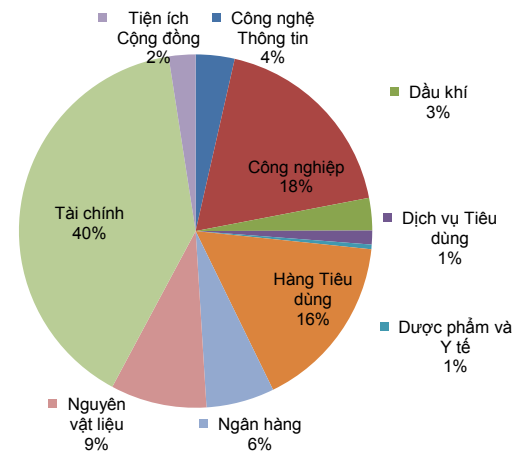
KLGD và HNX-Index trong phiên



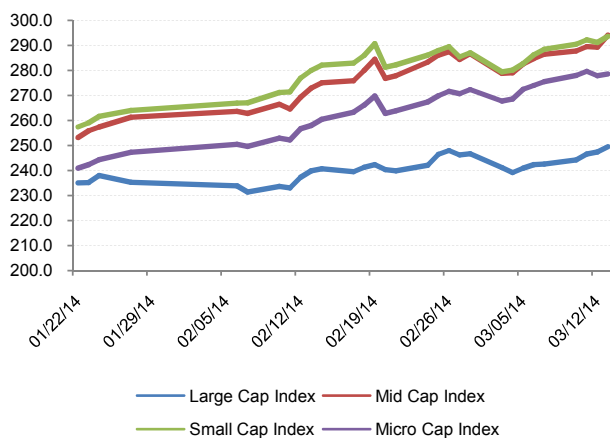
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



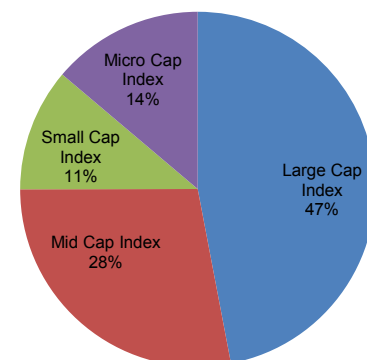
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	232,860	HAG	1,306,710
2	MSN	158,810	VIS	617,000
3	STB	119,330	KBC	494,810
4	OGC	112,560	IJC	376,890
5	CSM	109,500	ASM	369,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVL	172,900	KLS	306,100
2	SHB	88,330	PVS	157,500
3	SDH	80,000	NVC	36,000
4	PVX	66,200	HDO	30,000
5	VCG	58,800	VND	27,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.6	9.0	↑ 4.65%	14,389,690
SSI	26.1	27.4	↑ 4.98%	7,755,388
FLC	13.2	13.6	↑ 3.03%	7,481,560
HAG	26.9	27.0	↑ 0.37%	4,593,860
HQC	8.7	8.9	↑ 2.30%	3,804,560

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	5.0	5.5	↑ 10.00%	17,005,100
KLS	12.1	12.8	↑ 5.79%	10,501,600
SHB	9.3	9.5	↑ 2.15%	9,834,183
SCR	9.0	9.2	↑ 2.22%	3,481,502
SHS	8.0	8.4	↑ 5.00%	3,372,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CIG	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
PXL	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
SMA	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
PPI	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
MDG	6.1	6.5	0.4	↑ 6.56%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNC	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
BVG	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
SRA	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
PVX	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
CSC	19.1	21.0	1.9	↑ 9.95%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GIL	30.0	27.9	-2.1	↓ -7.00%
NHW	11.7	10.9	-0.8	↓ -6.84%
GTT	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
LGC	17.0	15.9	-1.1	↓ -6.47%
CYC	7.8	7.3	-0.5	↓ -6.41%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C92	15.0	13.5	-1.5	↓ -10.00%
HAT	53.0	47.7	-5.3	↓ -10.00%
HBE	7.3	6.6	-0.7	↓ -9.59%
KSK	16.9	15.3	-1.6	↓ -9.47%
VIE	5.4	4.9	-0.5	↓ -9.26%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	14,389,690	0.7%	73	122.8	0.8
SSI	7,755,388	8.0%	1,193	23.0	1.8
FLC	7,481,560	7.9%	663	20.5	1.7
HAG	4,593,860	8.0%	1,372	19.7	1.5
HQC	3,804,560	3.5%	376	23.7	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	17,005,100	-115.4%	(5,275)	-	2.7
KLS	10,501,600	5.5%	716	17.9	0.9
SHB	9,834,183	7.6%	854	11.1	0.8
SCR	3,481,502	0.4%	53	173.5	0.6
SHS	3,372,100	1.5%	116	72.2	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	↑ 7.0%	1.3%	128	35.9	0.5
PXL	↑ 7.0%	-0.6%	(66)	(69.7)	0.5
SMA	↑ 6.9%	4.1%	472	13.1	0.5
PPI	↑ 6.8%	0.1%	10	957.9	0.5
MDG	↑ 6.6%	1.1%	189	34.4	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DNC	↑ 10.0%	10.7%	1,272	-	1.0
BVG	↑ 10.0%	-8.8%	(748)	(4.4)	0.4
SRA	↑ 10.0%	-16.5%	(1,382)	(2.4)	0.4
PVX	↑ 10.0%	-115.4%	(5,275)	(1.0)	2.7
CSC	↑ 9.9%	2.6%	483	43.5	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	232,860	0.7%	73	122.8	0.8
MSN	158,810	3.0%	611	162.7	4.9
STB	119,330	14.5%	1,978	10.4	1.4
OGC	112,560	3.2%	352	35.8	1.2
CSM	109,500	33.0%	5,359	8.2	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	172,900	-6.2%	(628)	-	0.4
SHB	88,330	7.6%	854	11.1	0.8
SDH	80,000	-8.1%	(611)	-	0.9
PVX	66,200	-115.4%	(5,275)	-	2.7
VCG	58,800	10.0%	1,233	12.6	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	162,023	40.8%	6,535	13.1	4.8
VNM	121,686	39.6%	7,839	18.6	6.9
MSN	73,124	3.0%	611	162.7	4.9
VCB	72,303	10.3%	1,878	16.6	1.7
VIC	69,975	47.7%	7,379	10.4	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,205	6.6%	886	18.6	1.2
PVS	12,820	21.0%	3,568	8.0	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	8,418	7.6%	854	11.1	0.8
VCG	6,891	10.0%	1,233	12.6	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HVX	2.43	-7.7%	(703)	-	1.0
BVH	2.26	9.0%	1,610	31.7	2.9
HBC	2.06	6.4%	1,266	17.5	1.1
IMP	1.96	8.5%	3,720	16.9	1.4
HPG	1.93	22.2%	4,663	10.9	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
YBC	3.96	-84.4%	(4,096)	-	2.0
TTZ	3.86	0.4%	42	127.8	0.5
BXH	3.24	17.2%	2,648	5.7	0.9
SCR	3.06	0.4%	53	173.5	0.6
SDY	2.98	0.8%	64	62.3	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)